TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LỘC** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HS-ST
Ngày 19-7-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LỘC, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thuý Phương.

Bà Tô Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mã Lan Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2024/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 52/2024/HSST-QĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Đ (tên gọi khác: Không); sinh ngày 03 tháng 01 năm 1989 tại tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Thôn B, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị T; vợ: Nông Thị H; con: có 02 con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Tại Bản án số 66/2019/HSST ngày 20-8-2019 của Toà án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc" (đã được xoá); bị tạm giữ từ ngày 18-5-2023, tạm giam từ ngày 21-5-2023 đến nay; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Lương Văn S; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Đ và Lương Văn S đều là người nghiện ma tuý H1. Khoảng 15 giờ 05 phút ngày 17-05-2023, Nguyễn Văn Đ nhắn tin qua Z rủ Lương Văn S cùng

ra huyện C mua ma tuý về sử dụng, S đồng ý. Khoảng 15 giờ 20 phút cùng ngày, Đ điều khiển xe mô tô nhãn hiệu HONDAVISION, BKS: 12D1– 34.044 chở S đi từ thôn Bản Vàng, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn ra huyện C. Khi đi đến gần khu đô thị N thuộc thành phố L, Đ nhắn tin cho một người đàn ông (không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) hỏi mua 2.500.000 đồng tiền ma tuý, người đàn ông này đồng ý. Đ bảo S đứng chờ ở bãi đất trống rồi một mình điều khiển xe đến gặp người đàn ông trên để mua ma túy. Người đàn ông đưa cho Đ 01 (một) gói nilon màu trắng chứa ma túy Heroin. Sau khi mua được ma tuý, Đ quay lại đón S rồi đi đến khu vực cống ngầm gần khu đô thị N, Đ lấy một ít ma túy ra để cùng nhau sử dụng. Được chia ma túy, S lấy xi lanh và nước cất đã chuẩn bị sẵn từ nhà ra để sử dụng ma tuý bằng hình thức chích, còn Đ dùng giấy bạc và bật lửa trong bao thuốc lá đem theo sẵn từ nhà, sử dụng ma tuý bằng hình thức hít. Cả hai đều tự chuẩn bị công cụ cho riêng mình và không hỗ trợ nhau trong quá trình sử dụng. Sau khi sử dụng ma tuý xong, Đại xẻ một ít ma tuý trong gói nilon vào 01 (một) mảnh giấy ô ly cho S, S cất giấu mảnh giấy vào túi áo bên trái. Số ma tuý còn lại trong gói nilon Đ cất giấu trong túi quần dài bên trái. Sau đó cả hai cùng nhau đi về, khi đang trên đường về đến địa phận thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

Thu của Nguyễn Văn Đ: 01 (một) gói giấy vệ sinh màu trắng, bên trong có 01 (một) gói nilon màu trắng chứa chất bột màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh (đã qua sử dụng); 01 (một) xe môtô nhãn hiệu HONDA Vision, màu xanh nâu đen, biển kiểm soát: 12D1-34044; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số: 004443 mang tên Nguyễn Văn Đ.

Thu của Lương Văn S: 01 (một) gói giấy kẻ ô ly, bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu cà phê (đã qua sử dụng).

Tại Bản kết luận giám định số 573/KL-KTHS ngày 19/5/2023 của Phòng K Công an tỉnh L kết luận: "Chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu số (01) thu giữ của Nguyễn Văn Đ gửi giám định là ma túy Heroin, có khối lượng 1,482 gam (đã trừ bì). Chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu số (02) thu giữ của Lương Văn S gửi giám định là ma túy Heroin, có khối lượng 0,107 gam (đã trừ bì)".

Ngày 21-8-2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn ban hành Cáo trạng số 64/CT-VKS truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn để xét xử đối với các bị can Nguyễn Văn Đ và Lương Văn S về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án sơ thẩm số 69/2023/HS-ST ngày 16-9-2023, Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn (sau viết tắt là Bản án sơ thẩm số 69) xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 năm tù và bị cáo Lương Văn S 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Ngày 16-10-2023, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 85/QĐ-VKS-P7 kháng nghị Bản án sơ thẩm số 69, đề

nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử theo trình tự phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 69 để điều tra, truy tố, xét xử lại vụ án do đã để lọt tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" đối với Nguyễn Văn Đ.

Tại Bản án số 41/2023/HS-PT ngày 08-12-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn hủy một phần Bản án sơ thẩm số 69 đối với hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đại đ điều tra, truy tố, xét xử lại.

Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS-HS ngày 10-6-2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý" điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Đề nghị căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; điểm a khoản 1 Điều 55 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma tuý". 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý". Cộng hình phạt của 02 (hai) tội thành hình phạt chung từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có tài sản. Về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp đã được xem xét, giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 69. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" là đúng tội danh, đúng với hành vi bị cáo đã thực hiện, không oan. Bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời nói sau cùng, bị cáo thể hiện ăn năn, hối hận về việc làm của bản thân, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt Lương Văn S là người làm chứng nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên và bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng theo quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở kết luận, ngày 17-5-2023, bị cáo Nguyễn Văn Đ là người thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 1,589 gam ma tuý Heroin để sử dụng cho bản thân. Ngoài ra, bị cáo Nguyễn Văn Đ còn cung cấp trái phép cho Lương Văn S chất ma tuý Heroin để S sử dụng trái phép. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" quy định tại Điều 249 và Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015. Do đó, có đủ căn cứ kết tội bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định của điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015 và tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý" theo quy định của khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng, đã xâm phạm quyền độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu cho xã hội, là một trong các nguyên nhân gây phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực chịu trách nhiệm hình sự và có đủ năng lực nhận thức hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp và cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7] Về nhân thân: Bị cáo đã bị xử lý hình sự nên không được coi là có nhân thân tốt.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù tại cơ sở giam giữ mới đảm bảo tính nghiêm minh, răn đe đối với bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

[9] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có tài sản. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Đối với người bán ma túy cho bị cáo: Do Cơ quan điều tra không xác định được tên, tuổi địa chỉ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[11] Đối với Lương Văn S: Hành vi phạm tội của Lương Văn S đã được xem xét, giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 69. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[12] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Vật chứng đã được xem xét, giải quyết tại Bản án sơ thẩm số 69. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[13] Về án phí: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[14] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Ý kiến của bị cáo được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[16] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; điểm a khoản 1 Điều 55 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, nộp, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" và phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý".

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ:

02 (hai) năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

02 (hai) năm tù về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Cộng hình phạt của 02 (hai) tội thành hình phạt chung là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là ngày 18 tháng 5 năm 2023.

3. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, nộp vào ngân sách Nhà nước.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận**:*
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn.
- Sở Tư pháp, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Cao Lộc;
- Công an huyện Cao Lộc;
- Chi cục THADS huyện Cao Lộc;
- Chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Văn Nghiệp